

SỨC SỐNG CỦA DI SẢN VĂN HÓA TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN ĐƯƠNG ĐẠI: TRƯỜNG HỢP NGHỀ RÈN CỦA NGƯỜI NÙNG AN Ở XÓM PÁC RẰNG, XÃ PHÚC SEN, HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG¹

Hoàng Thị Lê Thảo

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt: Nghề rèn của người Nùng An (xã Phúc Sen) đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia năm 2019. Một trong những nét đặc biệt của di sản này là đã hình thành, tồn tại từ trong lịch sử hàng trăm năm và vẫn duy trì phát triển trong ngày nay. Tức là, di sản không chỉ thuộc về quá khứ, mà có sự tiếp nối đến hiện tại và tương lai. Đó là sức sống mãnh liệt từ truyền thống đến đương đại. Trên cơ sở tư liệu thực địa tháng 6-7/2022, bài viết này trình bày những thăng trầm của nghề rèn người Nùng An tại xóm Pác Rặng (xã Phúc Sen) và đề cập, phân tích một số yếu tố lý giải sức sống mãnh liệt của di sản văn hóa phi vật thể này.

Từ khóa: di sản văn hóa, làng nghề, Nùng, phát triển, Cao Bằng.

Nhận bài ngày 5.8.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.9.2023

Liên hệ tác giả: Hoàng Thị Lê Thảo; Email: nungathao@yahoo.com

1. MỞ ĐẦU

1.1. Khái quát xóm Pác Rặng

Pác Rặng nằm ở vị trí Đông Nam của xã Phúc Sen, đối diện với hai xóm Phia Chang và Đâu Cọ, cách trung tâm huyện hơn 3 km. Từ quốc lộ 3 đến trung tâm xóm là 0.5 km. Pác Rặng là một trong bốn làng nghề rèn của xã Phúc Sen², được gọi chung là làng nghề rèn Phúc Sen. Tổng số hộ của xóm hiện nay có 65 hộ với 283 nhân khẩu (UBND xã Phúc Sen 2022b), trong đó có 44 hộ làm nghề rèn (UBND xã Phúc Sen 2021). Nằm trong xã vùng III đặc biệt khó khăn,

¹ Bài viết là kết quả của Dự án: Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch vùng Công viên địa chất non nước Cao Bằng (2021-2023), mã số: VINIF09 2021.VHLS 04, do TS. Bùi Thị Bích Lan là Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học là tổ chức chủ trì. Dự án này được tài trợ bởi Vingroup và hỗ trợ bởi Quỹ Đổi mới, sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn.

² Xã Phúc Sen nằm ở Tây Nam của huyện Quảng Hòa, cách trung tâm huyện khoảng 3 km, trên trục Quốc lộ 3 chạy qua từ thành phố Cao Bằng đi Cửa khẩu Tà Lùng, thuận tiện cho việc giao lưu văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội. Xã thuộc vùng III, có 11 xóm, 4.175 nhân khẩu (năm 2022) với cơ cấu dân tộc tuyệt đại đa số người Nùng An (trừ một số ít người Tày về làm dâu). Xã có nghề rèn thủ công truyền thống, tập trung ở các xóm Pác Rặng, Phia Chang, Tiên Minh, Đâu Cọ.

nhưng Pác Ràng có tỉ lệ hộ nghèo thấp 7,7% (5 hộ), cận nghèo 3 hộ, trong đó chỉ có 1 hộ làm nghề rèn (thảo luận nhóm với cán bộ xóm Pác Ràng). Dân cư xóm 100% là người Nùng An (chỉ có 3 cô gái Tày về làm dâu).

1.2. Khái quát nhóm Nùng An và làng nghề rèn của người Nùng An

Dân tộc Nùng thuộc nhóm các dân tộc nói ngôn ngữ Tày - Thái Kadai. Địa bàn tụ cư truyền thống của người Nùng là các tỉnh miền núi Đông Bắc như Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên,... Dân tộc Nùng có dân số chiếm 31,08% toàn tỉnh Cao Bằng (Ban dân tộc tỉnh Cao Bằng 2019), tương đương 27% so với tổng dân số dân tộc Nùng toàn quốc (Tổng cục thống kê 2020). Người Nùng ở Việt Nam có nhiều nhóm địa phương như Nùng Inh, Nùng Cháo, Nùng An, Nùng Phàn Sình.

Theo báo cáo biến động dân số của ủy ban dân số tỉnh Cao Bằng năm 2009, nhóm Nùng An chiếm 23,35% trong tổng số dân tộc Nùng của tỉnh, phân bố tập trung ở huyện Quảng Hòa, Phục Hòa (Hoàng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Yên 2005). Báo cáo của UBND xã Phúc Sen cho biết nhóm Nùng An chiếm tuyệt đại đa số dân cư ở các làng nghề của xã Phúc Sen.

Các nghiên cứu cho rằng tên gọi các nhóm Nùng được lấy theo địa danh xuất cư hoặc đặc điểm trang phục. Theo đó, nhóm Nùng An lấy tên gọi từ địa danh nơi xuất cư là Long An (Quảng Tây, Trung Quốc) (Hoàng Nam 1992). Hồi cố của ông Hoàng Văn M. (1950, xóm Phia Thấp, xã Phúc Sen) cho biết: người Nùng An đến tụ cư ở mảnh đất Phúc Sen được khoảng 300 năm, từ 3 họ gốc lập nghiệp khai hoang nơi đây.

Đặc điểm cư trú của nhóm Nùng An là khu vực chuyển tiếp giữa vùng thấp và vùng cao, thường là thung lũng, nên họ làm ruộng nước ít, canh tác nước rẫy chủ yếu (Hoàng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Yên 2005). Các gia đình có hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ, đa phần thả rông gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó, họ có các nghề thủ công đem lại nguồn thu nhập đáng kể, như nghề rèn đúc, làm ngói, làm hương, đan lát mây tre, làm giấy bản, ... Họ thực sự là những người thợ khéo léo, chăm chỉ và sáng tạo. Các sản phẩm từ nghề thủ công của người Nùng An đã được đưa vào giao thương và nổi tiếng trong vùng.

Theo hồi cố của người già, làng nghề rèn Nùng An đã có từ thế kỉ thứ XI, ban đầu là nơi sản xuất vũ khí cho Nùng Tôn Phúc và Nùng Trí Cao chống lại quân Tống. Sau chiến tranh, người dân ở đây đã chuyển sang rèn công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Hiện nay, Phúc Sen đã trở thành “xưởng rèn thủ công” lớn nhất miền Bắc Việt Nam (Sở Công thương, Đại học Bách khoa 2022).

Các gia đình làm nghề theo cách thức cha truyền con nối đã hàng chục đời, sản phẩm rèn của làng làm ra luôn nổi tiếng về độ sắc và độ bền. Thống kê đến tháng 6/2022 của UBND xã Phúc Sen, tổng số lò rèn trong xã là 145 lò³ (trong đó xóm Pác Ràng có 44 lò) và gần 300 người thường xuyên tham gia sản xuất nhỏ theo hộ gia đình hoặc liên kết một vài cá nhân, có một công ty và một hợp tác xã hoạt động nghề rèn.

³ Phân bố ở 4 xóm nghề rèn.

Với giá trị tiêu biểu, nghề rèn của người Nùng An được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁴ theo Quyết định số 446/QĐ-BVHTTDL ngày 29/01/2019. Đây là sự tôn vinh nghề rèn truyền thống của người Nùng An và ghi nhận những giá trị của làng nghề đóng góp cho khẳng định bản sắc văn hóa tộc người và sự phát triển của cộng đồng nói chung.

2. NỘI DUNG

2.1. Những thăng trầm của làng nghề rèn của người Nùng An ở Pác Rằng

2.1.1. Giai đoạn trước những năm 1990: Tiếng vang từ lịch sử

Trước năm 1945, nghề rèn chỉ được coi là nghề phụ của hộ gia đình, đáp ứng nhu cầu sản xuất dụng cụ lao động sản xuất (lưỡi cày, cuốc, dao, cưa, liềm...). Tính chất thời kỳ này là tự túc tự cấp trong nội bộ gia đình, làng bản. Khi đó, dân cư còn thưa thớt, các sản phẩm rèn chưa có sự được trao đổi với các dân tộc khác, chủ yếu phục vụ trong cộng đồng người Nùng An.

Sau năm 1945, sản phẩm nghề rèn ở xã Phúc Sen đã được nhiều địa phương biết đến thông qua việc phát triển giao thương. Sản phẩm rèn của người Nùng An được tin nhiệm trong vùng, nên người dân đưa sản phẩm ra chợ đổi lấy dầu, muối và các nhu yếu phẩm khác phục vụ cuộc sống hàng ngày. Đặc biệt, năm 1950 giải phóng tỉnh Cao Bằng là một sự kiện có ý nghĩa chính trị xã hội, đồng thời có ảnh hưởng nhất định trong lịch sử nghề rèn của người Nùng An. Bởi sau đó, các phế liệu sắt thép, khung xe ô tô cháy hỏng,... trở thành nguồn nguyên liệu dồi dào để các lò rèn có cơ hội phát triển (PVS ông Lương Văn T., 1944, xóm Pác Rằng).

Những năm 1960, các bản người Nùng An đã thành lập các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp rèn sắt. Đến năm 1975, 8 bản và 7 hợp tác xã rèn thủ công được tập hợp lại thành Hợp tác xã rèn thủ công Phúc Sen. Sản phẩm của nghề rèn Phúc Sen được bà con trong tỉnh ưa chuộng và đã vượt ra khỏi phạm vi của tỉnh đến với đồng bào các tỉnh lân cận như Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn (UBND xã Phúc Sen 2021).

“Ông lấy vợ năm 1963, nhập ngũ mà tay bị tai nạn lao động nên không đi bộ đội được. Ông làm tiếp nghề rèn của nhà, năm 24 tuổi ông đã là thợ rèn chính rồi. Ngày xưa làm vất vả lắm, không có máy móc như bây giờ. Nhưng thu nhập cũng tốt. Ngày ấy mọi người thường rèn cuốc bươm, liềm, móng ngựa, lưỡi cưa gỗ, xẻ gỗ ... Đến ngày phiên chợ thì mình mang ra chợ bán. Ông hay đi chợ Quảng Yên, Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Hạ Lang, Nguyên Bình. Những năm 1964-1965, mỗi lần đi chợ, ông mang 8 lưỡi cưa đi bán. Mỗi lưỡi cưa dài khoảng sáu tay (1m6-1m8), làm hết 1 ngày công. Ông đi từ sáng sớm, đến chợ làm một bát phở to, bán đến tầm trưa hết hàng thì về. Tiền bán mỗi lưỡi cưa mua được 15-16 bát phở.” (PVS ông Lương Văn T., 1944, xóm Pác Rằng).

Có thể thấy, những năm 1960-1970 là giai đoạn rất phát triển của nghề rèn người Nùng An. Điều đó thể hiện ở việc tăng số lượng lò rèn gấp ba; sự tồn tại, phát triển song song của các sản phẩm rèn thủ công Phúc Sen với các sản phẩm rèn của Nhà máy cơ khí Cao Bằng; và sự tồn tại hai hình thức sản xuất song song là sản xuất hợp tác xã và sản xuất tư nhân tại gia đình

⁴ Theo thống kê của Cục Di sản Văn hóa, cho đến năm 2023, Việt Nam hiện có 64.000 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 14 di sản được UNESCO vinh danh, 396 di sản được ghi vào danh mục di sản phi vật thể cấp quốc gia.

(Hoàng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Yên, 2005). Còn đối với mỗi người dân, thu nhập từ nghề rèn đã giúp họ có điều kiện kinh tế tốt hơn và gắn bó với nghề.

Tháng 2 năm 1979 chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra, đã tàn phá cơ sở vật chất của nhiều địa phương. Trong bối cảnh này, các hợp tác xã ở Phúc Sen không còn hoạt động nữa. Các thợ rèn lại tập trung khôi phục lại các lò rèn của gia đình mình.

2.1.2. Giai đoạn cuối những năm 1980 đến đầu những năm 2000: Trầm lắng những suy tư

Sau sự kiện 1979, kinh tế của địa phương và khu vực miền núi phía Bắc nói chung rất khó khăn. Từ khoảng những năm 1985-1986, sản phẩm rèn của người Nùng An hầu như không tiêu thụ được. Vì lý do đó, nhiều người Nùng An đã lựa chọn rời bản để di cư mưu sinh. Một lượng lớn người dân ở xóm Pác Rặng đã di cư tự do vào khu vực Tây Nguyên. Sơ bộ số hộ di cư vào các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Lâm Đồng còn đông hơn số dân ở xóm Pác Rặng hiện nay (Thảo luận nhóm người dân xóm Pác Rặng). Nguyên nhân là do thiếu đất sản xuất, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm rèn. Họ di cư để tìm kiếm cơ hội làm ăn, khai phá vùng đất mới. *“Nhà anh có 3 chị gái và 1 anh trai vẫn đang ở H’Leo (Đắk Lắk). Còn anh vào Tây Nguyên từ năm 1994. Lúc đầu chỉ đi mỗi đợt vài tháng, làm dao mang đi để vào đó đổi lấy gạo, muối, đủ cho sinh hoạt. Năm 1996 anh về nhà lấy vợ và sinh hai con rồi năm 2004 cả nhà anh, vợ chồng con cái cùng vào Đắk Lắk. Đến năm 2007, anh quay lại Pác Rặng. Suy nghĩ lúc đó là nhớ quê lắm, muốn về quê để chăm sóc bố mẹ, để giữ cho dòng họ mình”* (PVS Sạch Văn V., 1976, xóm Pác Rặng).

Sau khoảng năm 1998, không còn làn sóng di cư khỏi Pác Rặng nữa. Lúc này, khát vọng khôi phục nghề rèn của cha ông vẫn luôn nung nấu trong mỗi người dân Pác Rặng. Họ không còn rời bản đi làm ăn xa. Đã có những người trở về. Nhưng vì còn nhiều khó khăn, sản xuất rèn giai đoạn này chỉ đáp ứng nhu cầu nhỏ trong huyện, tỉnh, chưa mở rộng đến các tỉnh xung quanh.

2.1.3. Giai đoạn từ 2010 đến nay: Thích ứng để phát triển

Năm 2010 đánh dấu mốc về sự tái khởi động, tiếp tục phát triển nghề rèn ở Pác Rặng bằng việc thành lập hợp tác xã Long Chiến. Có tay nghề, có kinh nghiệm sản xuất và giới thiệu sản phẩm, nhưng người dân vẫn thấy rằng cần thành lập hợp tác xã để bảo vệ thương hiệu truyền thống của mình (PVS Long Văn C., 1962, xóm Pác Rặng). Tồn tại khoảng 10 năm, hợp tác xã Long Chiến, hợp tác xã Minh Chiến đã giải thể vì khó khăn nguồn vốn đầu tư công nghệ, kỹ thuật cũng như khả năng cạnh tranh với thị trường trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, sự phát triển là sự tiếp nối không ngừng. Các hợp tác xã, công ty về sản phẩm rèn Pác Rặng nói riêng và Phúc Sen vẫn tiếp tục được thành lập. Các đơn vị này liên tục có sự cập nhật, điều chỉnh về tổ chức, về sản phẩm, về loại hình kinh doanh để thích nghi với sự đổi mới của thị trường.

Theo cách sản xuất truyền thống, công đoạn quai búa nặng nhọc, phải huy động sức của đàn ông từ 2-3 hộ. Từ năm 2013, người dân ở xóm Pác Rặng đã bắt đầu đầu tư máy dập, máy cắt vẽ plasma thì đỡ phần sức lực. Vì vậy, phụ nữ mới có thể tham gia vào nhiều công đoạn của nghề rèn hơn và mỗi gia đình có thể tự sản xuất riêng. (Thảo luận nhóm người dân xóm Pác Rặng). *“Máy cắt vẽ hình dao plasma giá hơn 20 triệu. Cả Pác Rặng giờ có khoảng 35 cái rồi.*

Sử dụng máy cắt plasma thì sản phẩm không phải qua lửa, đỡ tốn sức, lại không cần thợ phụ” (PVS Lương Văn H., 1986, xóm Pác Rặng).

Hiện nay, xóm Pác Rặng còn hợp tác xã Hà Khiêm đang hoạt động. Hợp tác xã này thành lập năm 2019 với sự tham gia của 7 hộ gia đình. Trong đó, mỗi hộ gia đình đảm nhiệm một hoặc một vài loại hình sản phẩm, như: chuyên rèn dao thái, hoặc dao quắm, dao chặt gà, dao chặt xương, hoặc rèn tổng hợp mỗi loại một ít. Khi hợp tác xã có đơn hàng, các lò rèn cùng dồn sản xuất cho đủ yêu cầu về số lượng và chủng loại, mẫu mã sản phẩm cho đơn hàng đó. Cách tổ chức hoạt động như thế này vừa đảm bảo chuyên sâu sản phẩm của mỗi lò rèn, vừa tạo uy tín chất lượng và số lượng sản phẩm, tạo quan hệ tốt với đại lý/khách hàng.

Thu nhập từ làm rèn chiếm khoảng 70% tổng thu nhập của hộ gia đình, trung bình 30-40 triệu/năm/người lao động, nhiều hộ có thu nhập hàng năm trên 90 triệu đồng/năm. (thảo luận nhóm với người dân xóm Pác Rặng). Từ làm rèn, các hộ dân có thêm nguồn thu nhập ổn định, kinh tế gia đình phát triển. Từ năm 2020 đến nay, thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), dao Phúc Sen⁵ đã trở thành một trong 11 sản phẩm của huyện Quảng Hòa được công nhận OCOP 3 sao cấp tỉnh. Đây được coi là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nghề, tạo thêm thế mạnh và khả năng cạnh tranh trên thị trường (Lê Ngọc Huynh 2023).

Có thể thấy rằng, trong lịch sử làng nghề Pác Rặng từ giữa thế kỷ trước đến nay, lúc thăng lúc trầm. Nhưng dòng chảy tri thức với nghề, tâm huyết với nghề luôn bền bỉ như mạch ngầm thấm sâu trong mỗi người dân ở xóm Pác Rặng để khi có cơ hội, họ cùng nhau góp thành dòng nước lớn để nghề rèn do cha ông truyền lại tiếp tục được duy trì và phát triển.

2.2. Một số yếu tố duy trì sức sống mãnh liệt của nghề rèn Nùng An

nghề rèn của người Nùng An ở xóm Pác Rặng đã trải qua nhiều giai đoạn, nhiều biến cố. Có những lúc đỉnh cao vang dội. Có những lúc tưởng nguội lửa, bỏ nghề vì cuộc sống mưu sinh, vì sự thay đổi kinh tế-xã hội chung của đất nước. Nhưng sau đó, người Nùng An đã vượt qua khó khăn (trầm) để tiếp tục phát triển (thăng). Đó chính là là sức sống mãnh liệt của nghề rèn Nùng An ở xóm Pác Rặng.

Nghề rèn của người Nùng An nhận được các chính sách quan tâm của Đảng và Nhà nước từ góc độ là văn hóa dân tộc cần được bảo tồn và phát huy. Điều đó củng cố, gia tăng niềm tự hào, giúp các cộng đồng có nhận thức mới về giá trị di sản mà họ đang nắm giữ và thực hành (Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cầm 2022). Tuy nhiên, để lý giải về sức sống mãnh liệt của nghề rèn của người Nùng An ở xóm Pác Rặng, trước hết cần xem xét các yếu tố chủ quan, tức là xuất phát từ chủ thể, chủ nhân làng nghề. Bởi di sản chỉ sống được khi chính những chủ thể hiểu và nỗ lực bảo tồn, chủ động phát huy di sản trong đời sống đương đại.

Một số yếu tố chủ quan được rút ra từ quá trình thực địa tại làng nghề rèn Nùng An ở xóm Pác Rặng là:

Thứ nhất, người Nùng An có niềm tự hào dân tộc và tự giác bảo tồn văn hóa dân tộc một cách đậm nét. “Một điều đáng ngạc nhiên là trải qua nhiều biến thiên của cuộc sống và sự tác động của các yếu tố lịch sử xã hội nhưng văn hóa truyền thống của người Nùng An hầu như

⁵ Dao Minh Tuấn Phúc Sen, dao Nông Sơn Phúc Sen.

vẫn được bảo lưu một cách nguyên vẹn. Điều đó nói lên được ý thức cao trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người của đồng bào ở đây. [...] Có thể nói việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của người Nùng An đã góp phần không nhỏ giúp họ thành công trong việc tạo dựng cuộc sống mới thể hiện trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội. Nếu nói rằng bản sắc văn hóa truyền thống là cội nguồn sức mạnh của một dân tộc thì những bài học thành công ở Phúc Sen là một thực tế. Phát huy nội lực thông thường chỉ được nhấn mạnh ở những điều kiện vật chất, song chính yếu tố văn hóa tinh thần, ý thức tự trọng và tự hào về truyền thống chính là niềm tin đã giúp họ vươn lên làm chủ cuộc sống của mình” (Hoàng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Yên, 2005: 184).

Người Nùng An rất nhớ về nguồn cội của mình. Họ thể hiện bản sắc văn hóa của mình mạnh mẽ nhất qua trang phục và tiếng nói. Người Nùng An thường xuyên mặc áo truyền thống dân tộc trong sinh hoạt hàng ngày. Trong chục năm trở lại đây, cùng với sự giao lưu hội nhập trong giao thương, học tập, người Nùng An ở xóm Pác Rằng nói riêng và xã Phúc Sen nói chung vẫn giữ được bộ trang phục truyền thống để mặc trong các dịp lễ hội, sự kiện. Vẫn còn những phụ nữ từ tầm tuổi trung niên trở lên mặc áo truyền thống trong lao động sản xuất. Họ trân trọng bộ trang phục của dân tộc mình như một nét riêng để có thể nhận diện đồng tộc.

Bên cạnh đó, người Nùng An vẫn bảo lưu tiếng nói có đặc trưng phương ngữ riêng. Đó là cách để họ tồn tại thành cộng đồng, phân biệt với các dân tộc xung quanh như Tày hoặc các nhóm Nùng khác. Với việc bảo lưu trang phục và tiếng nói, thực hành trong đời sống hàng ngày, người Nùng An tự hào về văn hóa dân tộc mình và tạo nên sự cố kết dân tộc vững chắc. Đó cũng là một cơ sở gốc rễ để văn hóa làng nghề, văn hóa sản xuất của họ được giữ gìn và phát huy.

Thứ hai, nghề rèn là nghề truyền thống lâu đời của người Nùng An, đã được cha truyền con nối hàng trăm năm. Do đó, họ đã hình thành cộng đồng cùng làm nghề để chia sẻ, tương trợ lẫn nhau. Họ cũng đã xây dựng và bảo lưu, tiếp nối được hệ thống tri thức về nghề trao truyền qua các thế hệ. Những kinh nghiệm và thực hành trực tiếp đã giúp người Nùng An giữ được nghề rèn trong suốt quá trình lịch sử nhiều biến động.

Thứ ba, sản phẩm của làng nghề rèn người Nùng An có giá trị thiết thực trong hoạt động sản xuất, sinh hoạt trước đây cũng như hiện nay. Nghề rèn tồn tại do đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Do đó, dù các sản phẩm của nghề rèn có sự thay đổi trong truyền thống và hiện nay, các sản phẩm luôn có chỗ đứng trên thị trường, được người dân đón nhận.

Thứ tư, người Nùng An có niềm tự hào sâu sắc về nghề, từ góc độ là văn hóa dân tộc và truyền thống gia đình. Bên cạnh đó, họ có sự năng động và chủ động thích ứng với nhu cầu thị trường. Nếu chỉ giữ truyền thống, có những khía cạnh không còn phù hợp với cuộc sống hiện nay. Điều đó dẫn đến việc đào thải, mai một, thực tế xảy ra ở nhiều di sản văn hóa. Tuy nhiên, người Nùng An, với quyết tâm chuyển đổi để thích nghi, họ đã rất nhanh nhạy trong thay đổi mẫu mã, loại hình sản phẩm, mở rộng thị trường. Các mẫu mã được thiết kế phù hợp thị hiếu khách hàng. Loại hình sản phẩm trước đây chỉ là nông cụ lao động, thì nay chuyển sang phục vụ sinh hoạt thường ngày. Thị trường truyền thống là tại địa phương và các tỉnh lân cận. Còn từ khi tái khởi động hơn chục năm trở lại đây, thợ rèn Pác Rằng đã đưa sản phẩm của mình đến

mọi vùng miền tổ quốc và cả xuất khẩu sang nước ngoài. Đó là những nỗ lực tự thân để họ sống với nghề và phát triển nghề.

3. KẾT LUẬN

Có thể nói rằng, nghề rèn truyền thống của người Nùng An đã cho người dân nơi đây nguồn thu nhập đáng kể, nhiều hộ gia đình có thu nhập trên dưới trăm triệu đồng mỗi năm từ nghề làm rèn. Nghề làm rèn không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường, đem lại thu nhập cho người dân Pác Rằng mà còn là cách để người Nùng An tự hào lưu giữ những nét văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc riêng.

Hiện nay, chính sách của Nhà nước cùng với hoạt động của người dân đều hướng tới việc phát triển nghề truyền thống và làng nghề gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vừa góp phần thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, vừa giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc. Chính vì vậy, nghề rèn của người Nùng An đang phát triển và có nhiều điều kiện để tiếp tục phát triển trong tương lai. Cùng với những giá trị của nghề rèn, sự tìm tòi và nỗ lực của người dân chính là nền tảng cơ sở, quan trọng nhất để làng nghề tồn tại và phát triển từ truyền thống đến đương đại, trở thành một di sản văn hóa có sức sống mạnh mẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban dân tộc tỉnh Cao Bằng (2019). Báo cáo về việc thực hiện Quyết định số 2086/QĐ-TTg ở tỉnh Cao Bằng.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019). Quyết định số: 446/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 01 năm 2019 về công bố danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.
3. Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cẩm (2022). Di sản văn hóa và sự phát triển bền vững, nhân văn ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Cộng sản điện tử: <https://www.tapchicongsan.org.vn>, đăng ngày 12/9/2022, truy cập ngày 20/9/2023.
4. Lê Ngọc Huynh (2023). Bảo tồn và phát triển nghề rèn ở Pác Rằng gắn với du lịch – Cơ hội và thách thức. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, vol. 12, số 3, trang 101-107.
5. Hoàng Nam (1992). Dân tộc Nùng ở Việt Nam. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Hoàng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Yên (2005). *Văn hóa làng nghề của người Nùng*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
7. Tổng cục thống kê Tổng cục thống kê (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
8. Sở Công thương, Đại học Bách Khoa (2022). *Báo cáo kết quả khảo sát làm việc tại làng nghề xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, phát hành ngày 21/4/2022*.
9. UBND xã Phúc Sen (2021). *Bản tóm tắt quá trình hình thành và phát triển làng nghề rèn Phúc Sen, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, phát hành ngày 13/9/2021*.
10. UBND xã Phúc Sen (2022a), *Báo cáo về điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế-xã hội của xã Phúc Sen*.
11. UBND xã Phúc Sen (2022b), *Báo cáo thực trạng bảo tồn, phát huy các nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn xã Phúc Sen, phát hành ngày 22/6/2022*.

**THE VITALITY OF CULTURAL HERITAGE FROM TRADITIONAL
TO CONTEMPORARY: THE CASE OF NUNG AN PEOPLE'S
BLACKSMITHING IN PAC RANG HAMLET, PHUC SEN
COMMUNE, QUANG HOA DISTRICT, CAO BANG PROVINCE**

Abstract: *The blacksmithing of the Nung An people (Phuc Sen commune) was recognized as a national intangible cultural heritage in year 2019. One of the special features of this heritage is that it has been formed and existed since history. hundreds of years and still continues to thrive today. That is, heritage does not only belong to the past, but has continuity to the present and future. It is a strong vitality from traditional to contemporary. Based on field data from June-July 2022, this article presents the ups and downs of the Nung An blacksmithing in Pac Rang hamlet (Phuc Sen commune) and mentions and analyzes a number of factors that explain the strength of the Nung An people. intense life of this intangible cultural heritage.*

Keywords: *Cultural heritage, craft village, Nung ethnic, development, Cao Bang.*